

Số: 05 /2023/NQ-HĐND

Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu học phí năm học 2022 - 2023
đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập
chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính
phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống
giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá
dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
Thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính
phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022 - 2023;
Xét Tờ trình số 384/TTr-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với cơ
sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường
xuyên trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 89/BC-HĐND ngày 23
tháng 02 năm 2023 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với
cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường
xuyên bằng với mức thu học phí năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Đơn vị tính: 1000 đồng/tháng/học sinh

Trường học, cơ sở giáo dục	Vùng thành thị (Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện)	Vùng nông thôn (Các xã còn lại, trừ các xã đặc biệt khó khăn)
1. Nhà trẻ:	123	72
2. Mẫu giáo buổi:	72	38

Trường học, cơ sở giáo dục	Vùng thành thị (Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện)	Vùng nông thôn (Các xã còn lại, trừ các xã đặc biệt khó khăn)
3. Mẫu giáo bán trú:		
- Lớp mầm	154	93
- Lớp chồi	134	77
- Lớp lá	111	66
4. Mẫu giáo 2 buổi/ngày	94	49
5. Trung học cơ sở:	72	38
6. Trung học phổ thông:	72	38
7. Giáo dục thường xuyên:	72	38
- Hệ Trung học cơ sở	72	38
- Hệ Trung học phổ thông	72	38

2. Đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập tại các xã đặc biệt khó khăn: 34.000 đồng/tháng/học sinh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 9 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2023; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và thực hiện trong năm học 2022 - 2023; đồng thời bãi bỏ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT (NgC).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đước